

Số: 47/2019/QĐST – HNGĐ.

*Bù Đăng, ngày 15 tháng 3 năm 2019.*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 01 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị M; Sinh năm 1984

HKTT: Thôn 12, xã T, huyện B, tỉnh B.

- Bị đơn: Anh Lê Hữu H; Sinh năm 1983

HKTT: Thôn 12, xã T, huyện B, tỉnh Bình Phước.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 55, 81, 82 của Luật hôn nhân & Gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 07 tháng 3 năm 2019,

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 07 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị M và anh Lê Hữu H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu H đồng ý thuận tình ly hôn với chị Phạm Thị M.

b. Về con chung: Chị Phạm Thị M có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung Lê Ngọc Quý, sinh năm 2008 và Lê Cao S, sinh năm 2011; Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

*c. Về tài sản, nợ chung:* Chị M và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*d. Về án phí:* Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000đ nguyên đơn chị M đồng ý nhận nộp được khấu trừ vào số tiền atm ứng án phí chị M đã nộp trước là 300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009152 ngày 22/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh B. Chị M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí còn lại là 150.000đ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện B;
- CCTHADS huyện B;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**NGUYỄN VĂN HUỆ**